

1. KHI CÓ TRANH CHẤP DÂN SỰ, ĐƯƠNG SỰ CÓ QUYỀN KHỞI KIỆN VỤ ÁN DÂN SỰ RA TÒA ÁN KHÔNG?

Quyền khởi kiện vụ án dân sự thuộc về cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền, lợi ích bị xâm hại hay có tranh chấp. Đương sự có thể tự mình thực hiện quyền khởi kiện hoặc có thể thông qua người đại diện hợp pháp của mình.

Điều 4 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về quyền yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân như sau:

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân do Bộ luật này quy định có quyền khởi kiện vụ án dân sự, yêu cầu giải quyết việc dân sự tại Tòa án có thẩm quyền để yêu cầu Tòa án bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của mình hoặc của người khác.

- Tòa án không được từ chối giải quyết vụ việc dân sự vì lý do chưa có điều luật để áp dụng.

Vụ việc dân sự chưa có điều luật để áp dụng là vụ việc dân sự thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật dân sự nhưng tại thời điểm vụ việc dân sự đó phát sinh và cơ quan, tổ chức, cá nhân yêu cầu Tòa án giải quyết chưa có điều luật để áp dụng.

Việc giải quyết vụ việc dân sự quy định tại khoản này được thực hiện theo các nguyên tắc do Bộ luật dân sự và Bộ luật tố tụng dân sự.

2. KHI PHÁT SINH Mâu THUẬN, TRANH CHẤP DÂN SỰ, NGƯỜI DÂN CÓ BẮT BUỘC PHẢI NỘP ĐƠN YÊU CẦU TÒA ÁN GIẢI QUYẾT KHÔNG?

Khi nảy sinh mâu thuẫn, tranh chấp dân sự thì công dân có quyền lựa chọn các biện pháp giải quyết: Tự thỏa thuận với nhau; đưa vụ việc ra hòa giải, hoặc nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết.

Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự như sau:

- Đương sự có quyền quyết định việc khởi kiện, yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự. Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự



Công dân nộp đơn khởi kiện

khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó.

- Trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự, đương sự có quyền chấm dứt, thay đổi yêu cầu của mình hoặc thỏa thuận với nhau một cách tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

3. KHI KHỞI KIỆN VỤ ÁN DÂN SỰ RA TÒA ÁN, ĐƯƠNG SỰ CÓ CẦN CUNG CẤP CHỨNG CỨ KHÔNG?

Việc cung cấp chứng cứ cho Tòa án và chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp là nghĩa vụ của người khởi kiện.

Điều 6 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: Đương sự có quyền và nghĩa vụ chủ động thu thập, giao nộp chứng cứ cho Tòa án và chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện, yêu cầu để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khác có quyền và nghĩa vụ thu thập, cung cấp chứng cứ, chứng minh như đương sự.

Tòa án có trách nhiệm hỗ trợ đương sự trong việc thu thập chứng cứ và chỉ tiến hành thu thập, xác minh chứng cứ trong những trường hợp do Bộ luật tố tụng dân sự quy định.



4. TRONG VỤ ÁN DÂN SỰ, ĐƯƠNG SỰ ĐƯỢC MỜI BAO NHIÊU LUẬT SƯ ĐỂ BẢO VỆ QUYỀN VÀ LỢI ÍCH HỢP PHÁP CHO MÌNH?

Đương sự có quyền tự bảo vệ hoặc nhờ luật sư hay người khác có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Pháp luật không quy định số lượng tối đa luật sư mà mỗi đương sự được mời để tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong vụ án dân sự. Điều 9 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: Tòa án có trách nhiệm bảo đảm cho đương sự thực hiện quyền bảo vệ của họ. Nhà nước có trách nhiệm bảo đảm trợ giúp pháp lý cho các đối tượng theo quy định của pháp luật để họ thực hiện quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trước Tòa án. Không ai được hạn chế quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự trong tố tụng dân sự.

5. TRANH TỤNG CÓ VAI TRÒ NHƯ THẾ NÀO TRONG XÉT XỬ VỤ ÁN DÂN SỰ? PHÁP LUẬT QUY ĐỊNH VIỆC BẢO ĐẢM TRANH TỤNG NHƯ THẾ NÀO?

Tranh tụng trong vụ án dân sự là sự trình bày, đối đáp, phát biểu quan điểm, đánh giá sự việc giữa các bên dựa trên tài liệu, chứng cứ do các bên đưa ra hoặc do Tòa án xác minh, thu thập được; là cơ sở để Tòa án đánh giá toàn bộ nội dung vụ án và đưa ra

phán quyết cuối cùng đảm bảo tính khách quan, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật

Điều 24 Bộ luật tố tụng dân sự quy định bảo đảm tranh tụng trong xét xử như sau:

- Tòa án có trách nhiệm bảo đảm cho đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự thực hiện quyền tranh tụng trong xét xử sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự có quyền thu thập, giao nộp tài liệu, chứng cứ kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án dân sự và có nghĩa vụ thông báo cho nhau các tài liệu, chứng cứ đã giao nộp; trình bày, đối đáp, phát biểu quan điểm, lập luận về đánh giá chứng cứ và pháp luật áp dụng để bảo vệ yêu cầu, quyền, lợi ích hợp pháp của mình hoặc bác bỏ yêu cầu của người khác theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Trong quá trình xét xử, mọi tài liệu, chứng cứ phải được xem xét đầy đủ, khách quan, toàn diện, công khai, trừ trường hợp không được công khai theo quy định. Tòa án điều hành việc tranh tụng, hỏi những vấn đề chưa rõ và căn cứ vào kết quả tranh tụng để ra bản án, quyết định.

BỘ TƯ PHÁP VỤ PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

MỘT SỐ NGUYÊN TẮC CƠ BẢN TRONG BỘ LUẬT TỐ TỤNG DÂN SỰ



HÀ NỘI - 2016